TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/DS- PT
Ngày: 23/9/2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của Bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8523/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, với các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Tô Thị Minh H; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Đ; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2.2. Ông Hoàng Văn N (ông Hoàng Văn N đã chết, giấy khai tử ngày 05/6/2020)

- *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn N:* Bà Trần Thị Đ, chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn Đ1; cùng cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt bà Đ, anh Đ1. Vắng mặt chị B.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

+ Ông Huỳnh Mỹ L- Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: 201-A3, Tập thể T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; (ĐT: 0966.999.022). Có mặt

+ Ông Nguyễn Trọng H1 - Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Km18, Quốc lộ 1A, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; (ĐT: 0901.591.828). Có mặt

+ Bà Lương Thị Hương L1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*** Ông Bế Văn N; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bế Văn H2; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông H2*: Bà Tô Thị Minh H; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Xuân M - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 610/QĐ-UBND ngày 06/3/2020). Vắng mặt

**** Người làm chứng:***

1. Ông Hoàng Văn D; sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Ông Vi Văn Q; sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3. Ông Hoàng Văn H3; sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

4. Ông Bế Văn B; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 19/ 01/2020, bản khai những lời trình bày tại phiên tòa của bà Tô

Thị Minh H, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Tổng diện tích đất tranh chấp là 9.369 m^2 tại đồi Nà Ven, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đo đạc năm 2010. Trên đất tranh chấp có các loại cây thông: 11 cây thông có đường kính từ 05cm - 10cm; 11 cây thông có đường kính từ 11cm - 20cm; 86 cây thông có đường kính từ 21cm - 30cm; 100 cây vầu, trong đó có 74 cây có đường từ 21cm - 30 cm do chồng bà là ông Bế Văn H2 trồng năm 1996.

Nguồn gốc thửa đất do ông cha để lại, năm 1996 chồng bà là ông Bế Văn H2 trồng khoảng 500 cây thông ở trên đỉnh đồi, sống gần 200 cây. Năm 1998 Nhà nước giao đất, giao rừng, do ông Bế Văn H2 đi bộ đội nên anh trai là ông Bế Văn B đi nhận đất, năm 2000 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bế Văn Thức (bố đẻ). Năm 2002 bà kết hôn với ông Bế Văn H2, năm 2003 bà trồng dặm thêm 300 cây thông, trong năm 2003, 2004 gia đình bà đã khai thác nhựa những cây thông do ông Bế Văn H2 trồng. Năm 2007 bố đẻ là ông Bế Văn Thức chia thửa đất cho hai anh em ông Bế Văn B và ông Bế Văn H2; ông Bế Văn H2 được chia tại đồi Nà Ven, Kíp Mạ, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là thửa đất đang tranh chấp. Trong năm 2007 vợ chồng bà đi làm kinh tế tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, nhưng vợ chồng bà vẫn về chăm sóc quản lý, sử dụng thường xuyên, từ khi được chia đất rừng không xảy ra tranh chấp với ai, năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNCH00546 mang tên hộ ông Bế Văn H2 và bà Trần Thị M.

Tháng 6 năm 2017 bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn N đi cạo nhựa thông nên đã xảy ra tranh chấp, sau khi hòa giải không thành gia đình bà vẫn quản lý, sử dụng cạo nhựa thông, bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn N không có ý kiến gì. Tháng 5 năm 2019 bà Trần Thị Đ lại tiếp tục đi cạo nhựa thông, ngày 17/7/2019 bà Trần Thị Đ đã chặt phá 11 cây thông trồng từ năm 2003; 01 bụi tre khoảng 100 cây thuộc loại măng ngọt, dùng dao dóc vỏ 97 cây thông để cây chết.

Đơn khởi kiện ngày 15/10/2019 nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất diện tích là 12.247m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2021, kết quả đo đạc của Công ty cổ phần Trắc địa bản đồ và môi trường Sông tô - Chi nhánh Lạng Sơn (xác định diện tích đất tranh chấp 11.720m^2), cụ thể. Thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 diện tích đất tranh chấp là 9.623 m^2, trong đó có diện tích 254m^2 đất ngôi mộ của gia đình ông Bế Văn N và đường lên mộ (*thửa tạm 738.3)* và diện tích 1.162m^2 (*thửa tạm 738.2)* nguyên đơn không quản lý. Nay nguyên đơn thay đổi diện tích khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng Mảnh trích đo ngày 24/3/2021 của Công ty cổ phần Trắc địa bản đồ và môi trường Sông tô - Chi nhánh Lạng Sơn diện tích là 9.369m^2 thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản

đồ đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp; yêu cầu bà Trần Thị Đ bồi thường số cây thông bị chặt, đẽo vỏ theo Biên bản định giá tài sản là 11.000.000 đồng. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định tuổi cây, giám định bản đồ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích là 1.162m^2 *(thửa tạm 738.2)* thuộc một phần thửa đất 738 phần diện tích đất này nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nguyên đơn không quản lý sử dụng, diện tích là 935m^2 *(thửa tạm 715.1)* thuộc một phần thửa đất 715 bà Trần Thị Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi đo đạc nguyên đơn chỉ lấn sang, hai diện tích đất trên nguyên đơn rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với diện tích là 254m^2 (*thửa tạm 738.3)* thuộc một phần thửa 738 đường lên mộ và đất xung quanh mộ nguyên đơn đồng ý để cho ông Bế Văn N quản lý sử dụng.

Tại bản khai ngày 26/7/2021 bà Tô Thị Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bế Văn H2 đồng ý với ý kiến của bà Trần Thị M, không có ý kiến gì.

Tại Bản khai ngày 21/02/2020, tại phiên tòa của bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Diện tích đất, địa danh thửa đất, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đúng như nguyên đơn trình bày nhưng bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Lý do: Đất tranh chấp đã giao cho ông Hoàng Văn N (chồng bị đơn) theo Hồ sơ đăng ký số 139 Hạt Kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/8/1998, diện tích khoảng 3,1 ha thuộc số lô 309, tiểu khu Kíp Mạ, nay là thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tiếp giáp với đồi ông Bế Văn Thức và giáp với đất của ông Chu Văn Xưởng (đã chết). Từ khi được giao đất, giao rừng gia đình bị đơn đã trồng cây thông năm 1999, trồng được bao nhiêu cây bị đơn không nhớ, những năm tiếp theo vẫn tiến hành trồng thông, trên đất hiện nay còn khoảng 50 - 60 cây thông trên đỉnh đồi do ông Bế Văn H2 trồng trước khi gia đình bị đơn được giao Sổ bìa xanh, khi nhận đất rừng gia đình bị đơn đã yêu cầu ông Bế Văn H2 di dời toàn bộ số cây trên đỉnh đồi để trả lại đất cho gia đình bị đơn. Năm 1999 Ủy ban nhân dân xã S, huyện L thu hồi Sổ bìa xanh của gia đình bị đơn để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2000 bị đơn đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện L hỏi thì được trả lời đất của gia đình bị đơn là rừng phòng hộ nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng từ năm 1998 gia đình bị đơn vẫn quản lý, sử dụng không xảy ra tranh chấp với ai. Ngày 17/02/2019 Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trả cho bị đơn Sổ bìa xanh để quản lý; việc nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp trên là không đúng quy định. Cây tre trên đất bị đơn không được trồng, do ai trồng hay tự mọc không biết, lý do bị đơn chặt bụi tre là để măng mọc lên theo rễ. Số cây thông bị dóc vỏ, chặt là cây của bị đơn trồng nên bị đơn chặt và dóc vỏ để không ai được sử dụng. Nay bị đơn yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã cấp cho nguyên đơn, không chấp nhận bồi thường thiệt hại cây do nguyên đơn yêu cầu; về chi phí từ năm 2017 đến nay nguyên đơn khởi kiện thì nguyên đơn phải chịu. Đối với diện tích là 254m^2 *(thửa tạm 738.3)* thuộc một phần thửa đất số 738 là đường lên mộ và đất xung quanh mộ bị đơn đồng ý để cho ông Bế Văn N quản lý sử dụng.

Tại Bản khai ông Hoàng Văn N, chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn Đ1 đều nhất trí với ý kiến của bà Trần Thị Đ không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn N đã chết, giấy khai tử ngày 05/6/2020, bà Trần Thị Đ là bị đơn, là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng, cũng là người được những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng ủy quyền vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày ở trên. Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hoàng Văn N cho biết khi chết ông Hoàng Văn N không để lại di chúc nhưng để lại di sản thừa kế chưa chia cho các hàng thừa kế. Di sản là Hồ sơ đăng ký số 139 ngày 15/8/1998, diện tích khoảng 3,1 ha thuộc lô 309 tiểu khu Kíp Mạ, hiện nay là thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên.

Tại bản khai ngày 05/6/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Bế Văn N thể hiện: Gia đình ông có một ngôi mộ tại thửa đất đang tranh chấp từ năm 1960 trước khi Nhà nước giao đất, giao rừng cho dân, gia đình ông vẫn để nguyên không di dời mộ và yêu cầu được quản lý diện tích đất xung quanh ngôi mộ và đường lên mộ dài khoảng 20m.

Bản khai của những người làm chứng ông Hoàng Văn D, ông Vi Văn Q, ông Hoàng Văn H3 trình bày: Thửa đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị M và bà Trần Thị Đ, năm 1998 Nhà nước giao cho gia đình ông Hoàng Văn N (chồng bà Đ) thời điểm đó các ông có được đi cùng Hạt kiểm lâm giao đất giao rừng cho các hộ dân, trên đất gia đình ông Hoàng Văn N được giao có cây thông của ông Bế Văn H trồng trên đỉnh đồi, từ khi giao gia đình ông Hoàng Văn N quản lý sử dụng hay không các ông không biết. Cùng thời điểm được giao rừng gia đình các ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã S, huyện L đã thu hồi Sổ bìa xanh để quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, căn cứ Điều 5, 6, 12, 22, 26, 96, 100, 105, 106, 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 21 Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Điều 158, 159, 164, 166, 189, 357, 468, 584, 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 26, khoản 1, 4 Điều 34, 39, 147; khoản 1 Điều 157, khoản khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ Điều 12, 14, 15; khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M

- Hộ ông Bế Văn H, bà Trần Thị M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 9.369m^2 đất tại đồi Nà Ven, thôn N, thuộc một phần thửa đất 738 *(ký hiệu thửa tạm 738.1)* tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên diện tích đất là 74 cây thông có đường kính từ 21cm - 31cm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNCH00546 ngày 30/5/2017 cấp cho hộ ông Bế Văn H năm 2017. Vị trí đỉnh thửa A2, A4, A6, A9, A10, A11.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với yêu cầu hủy sổ bìa xanh đã cấp cho gia đình bị đơn bà Trần Thị Đ, vì đối tượng khởi kiện không còn.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bế Văn N: Ông Bế Văn N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 254m^2 thuộc một phần thửa đất số 738 *(ký hiệu thửa tạm 738.3)* tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

- Diện tích ngôi mộ là 225m^2 vị trí đỉnh thửa M1, M2, M3, M4 (khoảng cách M1M2 = M2M3 = M3M4 = M4M1= 15m).

- Đường lên mộ: Rộng 0,4m^2, dài 72m, diện tích 29m^2. Điểm đầu từ điểm A6 đến danh giới mộ.

3. Đình chỉ giải quyết do nguyên đơn bà Trần Thị M rút yêu cầu, cụ thể:

- Phần diện tích là 1.162m^2 và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 738 *(ký hiệu thửa tạm 738.2),* vị trí đỉnh thửa A1, A2, A11, A12.

- Phần diện tích 935m^2 và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 715 *(ký hiệu thửa tạm 715.1)* tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, các đỉnh thửa A2, A3, A4.

4. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số ký hiệu CG 842870, số vào sổ CH00546 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/5/2017 cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M đối với phần diện tích 254m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 738 *(ký hiệu thửa tạm 738.3)* tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn *(có phụ lục theo Bản án).*

* Quyền đăng ký đất đai (quyền sử dụng đất)

+ Hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M có nghĩa vụ kê khai, điều chỉnh, đăng ký đất đai (quyền sử dụng đất) đối với phần diện tích 9.396m^2 thuộc một phần thửa đất 738 *(ký hiệu thửa tạm 738.1)* tờ bản đồ số 03 bản đồ đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Ông Bế Văn N có nghĩa vụ kê khai, đăng ký đất đai (quyền sử dụng đất) đối với diện tích 254m^2 thuộc một phần thửa đất 738 (*ký hiệu thửa tạm 738.3*), tờ bản đồ số 03 bản đồ đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Buộc bà Trần Thị Đ, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích 9.369m^2 tại thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bà Trần Thị Đ phải bồi thường thiệt hại số cây bị chặt, dóc vỏ, tổng số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí, chi phí thẩm định và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/10/2021, bị đơn bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu CG 842870, số vào sổ CH00546 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/5/2017 cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M, số thửa 738, tờ bản đồ số 3 thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận diện tích đất tại thửa 738 gia đình bị đơn đã trồng cây, sử dụng ổn định theo hồ sơ Hạt kiểm lâm và Quyết định số 139/UB-QĐ của UBND huyện L từ ngày 20/8/1998.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn có ý kiến: thay đổi nội dung kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm mà yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu CG 842870, số vào sổ CH00546 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/5/2017 cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M, số thửa 738, tờ bản đồ số 3 thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận diện tích đất tại thửa 738 gia đình bị đơn đã trồng cây, sử dụng ổn định theo hồ sơ Hạt kiểm lâm và Quyết định số 139/UB-QĐ của UBND huyện L từ ngày 20/8/1998. Trên cơ sở chứng cứ: Diện tích đất tranh chấp nằm trong lô 309 (tổng 3,1ha).

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn có ý kiến: Đất tranh chấp do gia đình Bị đơn sử dụng từ lâu đời và đã được cấp sổ bìa xanh. Năm 2009, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đã thu hồi sổ bìa xanh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bị đơn thửa 715, mới là một phần của lô 309. Trên toàn diện tích 3,1ha lô 309 gia đình bị đơn đã trồng cây. Còn đối với Nguyên đơn, có bố là ông Bế văn Thức được giao lô 310, ông Thức chia cho nguyên đơn thì khi chia phải có hợp đồng tặng cho nhưng thực tế không có, khi Nguyên đơn xin cấp giấy chứng nhận lại kê sang lô rừng 309 của Bị đơn. Đất giao cho bố Nguyên đơn lô 310 là đất trống. Lời khai người làm chứng ông Hoàng Văn D, ông Vi Văn Q và ông Hoàng Văn H3 bản án sơ thẩm ghi là đất giao cho ông N, khi giao trên đất có cây thông ông H trồng là

không đúng, mà các ông xác định trên đất khi giao cho ông N có cây thông, còn ai trồng không biết. Tại phiên tòa phúc thẩm các ông cũng xác định trên đất khi giao cho ông N có cây thông, còn ai trồng không biết, bị đơn là người sử dụng đất. Án sơ thẩm cho rằng sổ bìa xanh cấp cho Bị đơn (ông N) không còn hiệu lực là sai vì thời hạn được cấp là 50 năm. Án sơ thẩm nhận định bà Đ thừa nhận trên đất có cây thông gia đình nguyên đơn trồng là không đúng. Lô 309 hiện nay là thửa 715, 738 và một phần thửa 737. Từ năm 1998 đến nay bị đơn là người sử dụng đất liên tục. Từ các căn cứ trên, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn có ý kiến: Nhất trí ý kiến của Luật sư và bổ sung thêm: Nguyên đơn khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng không có hộ khẩu tại địa phương là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định số 23, ngày 03/3/2006 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2004 và khoản 3 Điều 21 Luật Bảo vệ rừng.

Bà Trần Thị Đ đồng ý với ý kiến của Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bà.

Nguyên đơn có ý kiến: Gia đình Nguyên đơn quản lý khu đất tranh chấp từ lâu, trên đất có mộ của người thân gia đình nguyên đơn, dưới chân đồi có ruộng của gia đình nguyên đơn. Năm 1996 gia đình nguyên đơn (chồng nguyên đơn là ông H) đã trồng cây thông trên đất khoảng 500 cây, đến năm 2003-2004 tiếp tục trồng dặm khoảng 300 cây thông trên đất. Số bìa xanh khi cấp cho Bị đơn, hồ sơ lô 309 trên đất đã có cây thông do gia đình Nguyên đơn trồng, chăm sóc, quản lý. Hồ sơ theo Quyết định 139 giao cho hộ ông N thửa 309, nhưng biên bản giao thửa 319 là không thống nhất, không đúng quy định. Khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N chỉ xin giao một phần thửa 309 và hộ ông N còn được giao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở một thửa khác nữa. Đề nghị Tòa án giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn căn cứ Hồ sơ giao đất giao rừng ngày 20/8/1998 thửa 309 (Sổ bìa xanh) cấp mang tên chồng bị đơn là Hoàng Văn N để yêu cầu công nhận đất tranh chấp cho Bị đơn là không có căn cứ, bởi hồ sơ giao đất giao rừng không đúng quy định. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thì không có căn cứ bị đơn quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất tranh chấp. Đất tranh chấp có nguồn gốc do gia đình Nguyên đơn quản lý, sử dụng phù hợp với quy hoạch và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nguyên đơn là có căn cứ, thuộc trường hợp công nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Bản án sơ

thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đơn kháng cáo của Bị đơn đảm bảo thời hạn, phù hợp với quy định về hình thức, nội dung được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Sự vắng mặt của các đương sự đảm bảo xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Tất cả các đương sự đều thừa nhận giá trị pháp lý kết quả đo đạc tại Mảnh trích đo địa chính số 12-2021 Hệ tọa độ VN 2000 tỷ lệ 1/10.000, địa danh: Đồi Nà Ven, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bản kết luận giám định ngày 05/5/2020 của Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận, kết luận giám định bản đồ, giám định thửa đất ngày 18/6/2021, kết quả chồng ghép bản đồ không có đương sự nào có ý kiến hay đề nghị gì.

[5] Đất tranh chấp địa danh: Đồi Nà Ven, thôn N, xã S có tổng diện tích là 9.369m^2 thuộc thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đất tranh chấp hiện trạng là đất rừng sản xuất, trên đất tranh chấp có 11 cây thông đã bị chặt đường kính gốc từ 11cm - 20cm; 86 cây thông đường kính gốc từ 21cm - 30cm; 11 cây thông đường kính từ 5cm - 10cm; 100 cây vầu đã ra lá bị chặt. Thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bế Văn H ngày 30/5/2017. Thửa đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đ1 giáp suối N; phía Bắc và Tây Bắc giáp đất 715 của ông Hoàng Văn N; phía Nam giáp đất của ông Bế Văn B.

[6] Tất cả các đương sự đều thừa nhận tháng 6/2017 mới xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, sau hòa giải gia đình nguyên đơn vẫn quản lý sử dụng đến tháng 5/2019 lại xảy ra tranh chấp lần hai, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

[7] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp: bà Trần Thị M cho rằng đất do ông cha để lại, năm 1996 chồng bà là ông Bế Văn H đã trồng khoảng 500 cây thông ở trên đỉnh đồi, điều này phù hợp với lời khai bà Trần Thị Đ, những người làm chứng của bà Trần Thị Đ trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, trước khi ông Hoàng Văn N nhận đất rừng quản lý năm 1998 thì đã có khoảng 50 - 60 cây thông ông Bế Văn H trồng trên đỉnh đồi. Năm 2003, 2004 bà Trần Thị M trồng dặm thêm 300 cây thông. Bản kết luận giám định ngày 05/5/2020 của Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: Cây thông có độ tuổi (tuổi 16 ± 1 năm). Kết luận giám định tuổi cây phù hợp với lời khai của bà M về việc bà trồng dặm cây thông trên đất năm 2003, 2004. Bà Trần Thị Đ khai cây thông bà trồng năm 1999 và các năm đều trồng, tuy nhiên

không có người làm chứng, không phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, không phù hợp với kết luận giám định và gia đình bà Đ thừa nhận trước khi được giao đất năm 1998 thì trên đất có cây thông ông H trồng trước đó và hiện số cây thông này không có tranh chấp. Ông Vi Văn Q, ông Hoàng Văn D trình bầy năm 1998 có được đi cùng thôn và cán bộ địa chính chia đất lần đầu thì ông Hoàng Văn N được nhận khu đất tranh chấp, khi đó đã thấy có một chòm cây thông do ông Bế Văn H trồng (BL11, 25, 26, 71), lời khai của người làm chứng phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và số cây thông không có tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vi Văn Q, ông Hoàng Văn D, thay đổi lời khai cho rằng khi đi cùng giao đất cho ông N thấy trên đất đã có cây thông, còn ai trồng không biết, không nói ông Bế Văn H trồng thông trên đỉnh đồi và từ khi được giao đất gia đình ông N bà Đ cùng các con cháu liên tục trồng cây, chăm sóc, tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ chứng minh, lời trình bầy không phù hợp với các chứng cứ khác, do vậy lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận. Năm 2017, khi bà Đ cạo nhựa thông thì xảy ra tranh chấp, đã được UBND xã hòa giải và xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà M ông H, nhưng bà Đ không khởi kiện. Tháng 7 năm 2019 bà Đ đã chặt 22 cây thông, dóc vỏ 86 cây thông để cây chết và chặt một số cây gỗ tạp, cây vầu diện tích phát khoảng 0,1ha trên diện tích đất tranh chấp. Bà Đ cho rằng cây bà trồng nên bà có quyền chặt.

[8] Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định đất có nguồn gốc gia đình bà M quản lý, sử dụng, trồng thông trên đất từ năm 1996, đến 2017 mới xảy ra tranh chấp. Không có căn cứ xác định cây trên đất do gia đình ông N bà Đ trồng, bảo vệ, không có căn cứ xác định gia đình bà Đ ông N quản lý, sử dụng đất ổn định, lâu dài.

[9] Về căn cứ pháp lý:

[10] Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bị đơn bà Trần Thị Đ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được, lời khai những người làm chứng của gia đình bị đơn ông Hoàng Văn D, ông Vi Văn Q, ông Hoàng Văn H3; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2020, ngày 24/3/2021 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp 9.369m^2 ở Đồi Nà Ven, thôn N thuộc thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là một phần diện tích trong lô số 309 tiểu khu Kíp Mạ, tổng diện tích khoảng 3,1 ha theo Hồ sơ đăng ký số 139 ngày 15/8/1998 của Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã giao cho gia đình Trần Thị Đ quản lý sử dụng (Sổ bìa xanh). Bà Trần Thị Đ cho rằng năm 2009 nộp Sổ bìa xanh cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp, cán bộ địa chính xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trả lời đất của bà Trần Thị Đ là rừng phòng hộ nhưng bà Trần Thị Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào.

[11] Tại Công văn số 405/UBND-TNMT ngày 15/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn phúc đáp, thửa đất số 738 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đất rừng sản xuất, không phải rừng phòng hộ đầu nguồn. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 26/7/2021, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện, ngày 17/02/2019 bà Trần Thị Đ đến Uỷ ban nhân dân xã S, huyện L mượn Sổ bìa xanh để đi phôtô nhưng bà Trần Thị Đ không trả, nay bà Trần Thị Đ đang quản lý nhưng Sổ bìa xanh không còn hiệu lực;

[12] Đối với diện tích khoảng 3,1 ha thuộc lô số 309, tiểu khu Kíp Mạ theo Hồ sơ đăng ký số 139 Hạt Kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/8/1998 được giao cho hộ ông Hoàng Văn N (chồng bị đơn). Năm 2009, gia đình bà Trần Thị Đ đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao năm 1998, nhưng chỉ kê khai một phần lô 309 và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011, gia đình bà Trần Thị Đ cũng không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì. Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Trần Thị Đ phần ký giáp ranh ông Bế Văn H cũng ký xác nhận, nay là thửa 715 tờ bản đồ 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đối chiếu việc chồng ghép bản đồ đất lâm nghiệp và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thì thửa đất tranh chấp và thửa đất gia đình bà Trần Thị Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trùng nhau.

[13] Công văn số 603/UBND-TNMT ngày 12/4/2021, của Ủy ban nhân dân có nội dung: lô 309 bản đồ giao đất giao rừng xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì hiện nay thuộc thửa đất số 715, thửa đất số 738 và một phần thửa đất số 737 tờ bản đồ số 03 bản đồ đất lâm nghiệp xã S, huyện L, theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thì thửa đất số 715 đứng tên trong Sổ mục kê đất đai là ông Hoàng Văn N, thửa đất số 738 đứng tên trong Sổ mục kê đất đai ông Bế Văn H, thửa đất số 737 đứng tên trong Sổ mục kê đất đai ông Bế Văn B. Thửa đất số 738 gia đình bà Trần Thị M đã quản lý, sử dụng ổn định và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M năm 2017.

[14] Tại công văn số 346/UBND-TNMT ngày 19/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã xác định: Diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị M và bà Trần Thị Đ thuộc thửa đất số 738, tờ bản đồ số 03 có diện tích 12.427m^2 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 11/4/2017, bà Trần Thị M đã có đơn kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Là đất rừng sản xuất từ trước 15/10/1993, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, mục đích sử dụng đất không có tranh chấp, khiến nại gì.

[15] Kết luận giám định tư pháp: Giám định bản đồ đối với diện tích đất tranh chấp 9.623 m^2 (*cả diện tích đất mộ)* tại thôn N, xã S, huyện L, tỉnh

Lạng Sơn. Tại Bản kết luận giám định tư pháp theo vụ việc ngày 18/6/2021 của ông Hoàng Văn Toàn thể hiện: Tiến hành chồng ghép bản đồ giao đất giao rừng xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xác định diện tích đất tranh chấp là 9.623m^2 nằm trong lô 309 bản đồ giao rừng năm 1998; biểu Thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất, rừng năm 1998 lô 309 địa danh Kíp Mạ có diện tích 3.1 ha, ở phần ghi chú theo Quyết Định số 139 giao cho hộ ông Hoàng Văn N, ***nhưng trên hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cũng như biểu kê khai hiện trạng đất lâm nghiệp theo Quyết định số 139 ngày 15/8/1998 giao cho hộ ông Hoàng Văn N lô 319 có diện tích 3,1ha***, trên sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp theo Quyết định số: 139/UB-QĐ lô 319 có diện tích 4,2ha không nằm trên khu vực tranh chấp. Theo bản đồ địa chính 1/10000 năm 2011 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu CG 842870, số vào sổ CH00546, ngày 30/5/2017, thửa đất số 738, tờ bản đồ số 03, diện tích 12.247 m^2, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, tại thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M là nằm trong một phần lô 309 bản đồ giao rừng năm 1998. Phần tranh chấp có diện tích 9.623m^2 (*đã bao gồm cả diện tích đất ngôi mộ, đường lên mộ 254m^2 thửa tạm 738.3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Trần Thị M và ông Bế Văn H).* Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 3,1 ha thuộc lô số 309 cho hộ ông Hoàng Văn N, đăng ký số: 139/UB-QĐ ngày 15/8/1998 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn là ***chưa đúng quy định của pháp luật***, vì cùng một Quyết định số: 139/UB-QD ngày 15/8/1998 giữa ***thống kê hiện trạng và sơ đồ, biểu kê khai hiện trạng không đồng nhất.***

[16] Biên bản xác minh ngày 23/7/2021, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Hoàng Văn Cường cán bộ địa chính cung cấp: Năm 2011, gia đình bà Trần Thị Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 715, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, khi giao nhận bà Trần Thị Đ không có ý kiến thắc mắc gì. Hồ sơ giao quyền quản lý đất rừng và trồng rừng đăng ký số: 319/UB-QĐ ngày 15/8/1998 của hộ ông Hoàng Văn N đã bị thu hồi và được lưu trữ theo Quyết định số: 3146/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[17] Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, mục đích sử dụng đất. Hồ sơ giao quyền quản lý đất rừng và trồng rừng đăng ký số: 319/UB-QĐ ngày 15/8/1998 của hộ ông Hoàng Văn N đã bị thu hồi và được lưu trữ theo Quyết định số: 3146/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy, có căn cứ xác định Diện tích 9.369m^2 đất thuộc thửa số 738, tờ bản đồ số 03 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đang có tranh chấp trên đất có 74 cây thông thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Bế Văn H, bà Trần Thị M.

[18] Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số seri: CG842870, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNCH00546 ngày 30/5/2017 là có căn cứ một phần. Lý do thời điểm hộ ông Bế Văn H kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan chuyên môn không xem xét thực địa trên đất ông Bế Văn H kê khai có cả ngôi mộ của gia đình Bế Văn N đã tồn trước năm 1960. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả ngôi mộ của gia đình ông Bế Văn N là không đúng đối tượng sử dụng, nên có căn cứ để hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bế Văn H năm 2017.

[19] Đối với yêu cầu Bồi thường thiệt hại tài sản trên đất: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản trên diện tích 9.369m^2 tại thửa đất 738, tờ bản đồ số 03 ngày 21/4/2020, ngày 24/3/2021, theo lời khai của bà Trần Thị M, ngày 17/7/2019 bà Trần Thị Đ dùng dao chặt, đẽo vỏ cây, bao gồm: 11 cây thông đường kính gốc từ 05cm - 10cm x 24.000 đồng/cây = 264.000 đồng; 11 cây thông đường kính gốc từ 11cm - 20cm x 70.000 đồng/cây = 770.000 đồng; 86 cây thông đường kính gốc từ 21cm - 30cm x 117.000 đồng/cây = 10.062.000 đồng; 100 cây vầu x 4.500 đồng/cây = 450.000 đồng, bà Trần Thị Đ thừa nhận mình được chặt và dóc vỏ các cây trên đất tranh chấp. Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2019, chính quyền đã yêu cầu giữ nguyên hiện trường nhưng đến ngày 25/9/2019 bà Trần Thị Đ lại tiếp tục có hành vi chặt phá, dóc vỏ cây. Do vậy, căn cứ Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bà Trần Thị Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Trần Thị M theo biên bản định giá tài sản là: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) như án sơ thẩm quyết định là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[20] Từ nhận định nêu trên, xét thấy bà Trần Thị Đ kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Yêu cầu Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ký hiệu CG 842870, số vào sổ CH00546 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/5/2017 cho hộ ông Bế Văn H và bà Trần Thị M, số thửa 738, tờ bản đồ số 3 thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận diện tích đất tại thửa 738 gia đình bị đơn đã trồng cây, sử dụng ổn định theo hồ sơ Hạt kiểm lâm và Quyết định số 139/UB-QĐ của UBND huyện L từ ngày 20/8/1998 là không có căn cứ chấp nhận.

[21] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[22] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa